TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 338/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26-02-2026
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Vĩnh Lộc

Ông Nguyễn Hoàng Trung

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Quang Thị Thùy Ly – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đồng Quang Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1234/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ N, sinh năm: 2004;

CCCD số 079304026767;

Địa chỉ: I Nguyễn Thị R, ấp X, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Võ Minh N1, sinh năm: 2000;

CCCD số 079200019028;

Địa chỉ: H Đường H, ấp B, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Lệ N trình bày:

Bà và ông Võ Minh N1 quen biết, tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 105 ngày 24/10/2022. Sau khoảng thời gian chung sống hạnh phúc thì khoảng năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong việc xây dựng cuộc sống gia đình, thường xuyên

xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm. Ông bà đã nhiều lần cố gắng hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Việc mâu thuẩn giữa ông, bà là chuyện riêng tư của hai vợ chồng nên ông bà không nhờ chính quyền địa phương hòa giải mâu thuẩn. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N1.

Về con chung: không có con chung

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt

* Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Lệ N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Võ Minh N1 có địa chỉ cư trú tại số H Đường H, ấp B, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn không cung cấp bản khai trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà N và ông N1 chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 105 ngày 24/10/2022 nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông N1 là hợp pháp.

Bà N nộp đơn xin ly hôn vì quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, đôi bên đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không hàn gắn được tình cảm.

Kể từ khi vụ án được thụ lý, ông N1 đều vắng mặt không có lý do, không nộp bản khai trình bày ý kiến của mình, không tham gia phiên họp hòa giải đoàn tụ để các bên hàn gắn tình cảm, điều này chứng tỏ ông N1 không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ, mặc kệ hậu quả xảy ra.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy hai bên không còn quan tâm chăm sóc nhau, đôi bên đã sống ly thân và không có khả năng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn đã ngày càng trầm trọng, quan hệ hôn nhân không còn nếu tiếp tục duy trì cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông N1 là hoàn toàn có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: không có con chung

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyên K không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông N1 vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Lệ N:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lệ N được ly hôn với ông Võ Minh N1.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 105 ngày 24/10/2022 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà N, ông N1 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà N và ông N1 không có con chung

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo Biên lai thu số 0032817 ngày 30/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND KV8-TPHCM;
- THADS TPHCM;
- UBND xã An Nhơn Tây;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Thảo